TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:71/2019/HS-ST
Ngày: 04-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Minh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan
Bà Đặng Thị Hường

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hải - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Đặng Thị Thủy - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 04 tháng 05 năm 2019 tại Trụ sở TAND thành phố Hải Dương, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2019/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HS ngày 22/4/2019, đối với các bị cáo;

1. Đào Văn L, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Khu CK B, phường TM, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Trình độ văn hóa 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đào Văn Đ và bà Đồng Thị H. Có vợ là Đỗ Thị Th và 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

*Nhân thân: Năm 2014 bị Công an TP.Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau theo Quyết định số 285ª ngày 12/8/2014 (chấp hành ngày 06/4/2015).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019, hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân TP.Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đinh Văn V, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Khu CK A, phường TM, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Trình độ văn hóa 08/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đinh Văn Ng và bà Trần Thị S. Có vợ là Phùng Thị H và 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án: Chưa.

*Tiền sự: Ngày 11/4/2018 bị Phòng CSHS - Công an tỉnh Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (chấp hành xong 17/4/2018 chưa được xóa tiền sự).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019, hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân TP.Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn M, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Khu CK A, phường TM, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Trình độ văn hóa 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Th và bà Đào Thị B. Có vợ là Nguyễn Trà G và 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019, hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân TP.Hải Dương.Có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Thanh T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Khu CK A, phường TM, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Trình độ văn hóa 08/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Tài T và bà Phạm Thị Đ. Có vợ là Nguyễn Thị T (đã ly hôn).

Tiền án, tiền sự: Không.

*Nhân thân: Bản án số 08/2010/HSST ngày 20/01/2010 của TAND TP.Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (chấp hành xong ngày 16/11/2010).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019, hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân TP.Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Văn S, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Khu CK A, phường TM, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Trình độ văn hóa 09/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ng. Có vợ là Phan Thị H và 02 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019, hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân TP.Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Đào Văn L, Trần Thanh T, Đinh Văn V, Vũ Văn S và Nguyễn Văn M là bạn cùng địa phương, quen biết nhau từ trước. Khoảng 11h50 ngày 08/01/2019 T gọi điện thoại hỏi L có đánh bạc không thì L bảo T cứ đến nhà L. Sau đó L gọi điện thoại rủ V, S đến nhà L, V và S đồng ý. Khoảng 10 phút sau, T, S,V, L đang ngồi uống nước tại phòng khách nhà L thì M đến chơi. Khoảng 13h00 cùng ngày, V, T, M và S rủ nhau lên phòng ngủ tầng 2 nhà L để đánh bạc. Tại đây cả nhóm lấy 01 bộ bài tú lơ khơ (đã qua sử dụng) trải chiếu dưới nền nhà rồi cùng nhau đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh lốc còn L không tham đánh bạc.

Hình thức chơi: T, V, S và M sử dụng toàn bộ 52 quân bài lá, người cầm chương sẽ chia cho mỗi người 10 lá bài để đánh, quy định 10.000đ/lá, mỗi ván người nhất của ván trước sẽ chia bài cho 04 người. Nếu ai là người hết số quân bài trước thì người đó thắng, 03 người còn lại thua và căn cứ vào lá bài còn lại của từng người để tính thành tiền. L không trực tiếp tham gia đánh bạc. Cả nhóm thống nhất với L mỗi người báo được lốc 1 lần thì phải để ra 50.000 đ, 03 người còn lại sẽ phải trả cho người xin lốc mỗi người 150.000 đ. Nếu người xin lốc bị người khác bắt được thì người xin lốc phải phải đền cho người bắt được 600.000 đ. Trong mỗi ván bài nếu ai không đánh được lá bài nào thì cháy và phải trả cho người về nhất 100.000 đ, người nào bị chặt tứ quý thì phải trả cho người kia số tiền 100.000 đ. Nếu mỗi người chơi bắt cháy được 3 người còn lại thì phải để ra 20.000 đ, L đồng ý và để tiền ra chiếu, khi nào chơi xong thì L cầm số tiền đó để mua chè, nước cho mọi người dùng.

Cả nhóm ngồi đánh bạc đến khoảng 16h15 cùng ngày thì Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ tại nơi đánh bạc gồm: số tiền 1.820.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân (đã qua sử dụng), 01 chiếu cói; Đinh Văn V tự nguyện giao nộp số tiền 2.965.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4 màu trắng (có lắp sim số 0967.389.707); Trần Thanh T tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng, 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng trắng (có lắp sim số 0334.406.446); Vũ Văn S tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng xám (có lắp sim số 0921.364.831); Nguyễn Văn M tự nguyện giao nộp số tiền 7.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền các bị can tự nguyện giao nộp là số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc. Đào Văn L tự nguyện giao nộp số tiền 2.960.000đ (số tiền này L không sử dụng vào việc đánh bạc) và 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám (có lắp sim số 0969.060.552)

Quá trình điều tra đã xác định số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc như sau: Khi đánh bạc V sử dụng 2.905.000đ khi bị bắt có 2.965.000đ; S sử dụng 1.000.000đ, khi bị bắt còn 200.000đ; M sử dụng 7.800.000đ, khi bị bắt có 7.800.000đ; T có 560.000đ, khi bị bắt còn 200.000đ.

Vật chứng: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ (đã qua sử dụng), 01 chiếu cói; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE4 màu trắng (có lắp sim số 0967.389.707); 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 màu vàng trắng (có lắp sim số 0334.406.446); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng xám (có lắp sim số 0921.364.831); 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám (có lắp sim số 0969.060.552) đang được quản lý tại kho vật chứng của Công an thành phố Hải Dương; Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 1.820.000đ và số tiền 14.125.000đ (trong đó: 11.165.000đ là số tiền các bị can đánh bạc và 2.960.000đ là số tiền riêng của L không sử dụng để đánh bạc) Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương đã gửi vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hải Dương để chờ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 63/VKS-HS ngày 29/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Đào Văn L, Trần Thanh T, Đinh Văn V, Vũ Văn S và Nguyễn Văn M về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản tự khai và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các bị cáo khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành

phố Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết S nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã kết luận về vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đào Văn L, Trần Thanh T, Đinh Văn V, Vũ Văn S và Nguyễn Văn M phạm tội "Đánh bạc".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Đinh Văn V.

- Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng tù (được trừ đi 03 ngày tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019), bị cáo V còn phải chấp hành từ 08 tháng 27 ngày tù đến 11 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về án treo, đối với bị cáo Đào Văn L.

- Xử phạt: Bị cáo Đào Văn L từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo L cho Uỷ ban nhân dân phường TM, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo L.

Trong trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Trần Thanh T.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ đi 03 ngày tạm giữ (từ ngày 08/01/2019-11/01/2019) quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ đến 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo T cho UBND phường TM, TP. Hải Dương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M, Vũ Văn S.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn M từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Vũ Văn S từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự. Đề nghị phạt bổ sung đối với các bị cáo Đinh Văn V, Đào Văn L, Trần Thanh T mỗi bị cáo 12.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu cho phát mại sung vào ngân sách nhà nước: 01điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 màu vàng trắng, đã qua sử dụng, có số IMEI: 352067069782020, bên trong lắp sim số 0334.406.446.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE4 màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI:013034005161322, bên trong lắp sim số 0967.389.707.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đã qua sử dụng, có số IMEI: 352013076713186, bên trong lắp sim số 0969.060.552.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 màu trắng xám, đã qua sử dụng, có số IMEI: 013722000254585, bên trong có lắp sim số 0921.364.831.

- Tịch thu, tiêu hủy 04 sim điện thoại có số: 0334.406.446; 0967.389.707; 0969.060.552; 0921.364.831.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân đã niêm phong trong một phong bì thư dán kín, 01 chiếu cói các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội không có giá trị.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 12.985.000đồng do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại bị cáo Đào Văn L số tiền 2.960.000đồng bị thu giữ không sử dụng vào việc phạm tội nhưng cần giữ lại để bảo đảm thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng, Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi, tội trạng của mình, không tranh luận gì với quan điểm luận tội, buộc tội của Viện kiểm sát. Các bị cáo không có ý kiến gì và tha thiết xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn khách quan, phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện như sau: Khoảng 13 giờ 00’ ngày 08/01/2019, tại nhà ở của mình tại Khu CK B, phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Đào Văn L đã đồng ý để Đinh Văn V, Trần Thanh T, Vũ Văn S, Nguyễn Văn M đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền với hình thức đánh lốc. Đến khoảng 16h15 cùng ngày, thì bị Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc được xác định là 12.985.000 đồng (*mười hai triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng)*. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận tổng số tiền các bị cáo đã, sẽ được dùng để đánh bạc bị thu giữ là 12.985.000 đồng đúng như biên bản phạm tội quả tang mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc“ tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật tại Quyết định truy tố nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Từ việc chơi bạc nhằm mục đích tư lợi, được thua sát phạt nhau bằng tiền là nguyên nhân của một số vi phạm pháp luật khác. Đặc biệt là trong tình hình hiện nay tệ nạn cờ bạc đang có chiều hướng phát triển M, gây nhức nhối trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi sát phạt nhau trái phép bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào là trái pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, ham chơi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Xét về tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án này thì thấy*:* Đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là bạn bè quen biết nhau từ trước, cùng sinh sống tại một địa phương. Các bị cáo bột phát nhất thời tham gia đánh bạc chứ không có sự câu kết, tổ chức chặt chẽ và không có tính chất tổ chức, không xác định được ai là người rủ rê, đề xuất. Thời gian các bị cáo tham gia đánh bạc ngắn, số tiền các bị cáo đã, sẽ dùng vào việc đánh bạc không lớn. Mặc dù bị cáo L do nể nang đã để các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình, L không trực tiếp tham gia đánh bạc, không thu tiền hồ, không có mục đích trục lợi tuy chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” hoặc “Gá bạc”

nhưng L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo M dùng số tiền để đánh bạc là 7.800.000đ; Bị cáoV dùng số tiền để đánh bạc là 2.965.000đ; bị cáo S dùng số tiền để đánh bạc là 200.000đ; bị cáo T dùng số tiền để đánh bạc là 200.000đ nên đều là đồng phạm với vai trò là người thực hành.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết S nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo L, S, T, M đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo V có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc chưa được xóa tiền sự.

Về tình tiết S nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết S nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo V, M,S, L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vị trí vai trò, nhân thân, các tình tiết S nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Đinh Văn V đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018 mới nộp phạt, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là ngày 08/01/2019 chưa đủ thời gian để được xóa tiền sự nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội chứng tỏ bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù giam cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Đào Văn L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết S nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo L vì bị cáo có khả năng tự cải tạo

và việc cho bị cáo L hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội phù hợp theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về án treo.

Đối với bị cáo Trần Thanh T chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự là phù hợp, thời gian bị cáo T bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, bị cáo T phải bị khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo M, S đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết S nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo M, S có đầy đủ điều kiện phù hợp với áp dụng hình phạt"Phạt tiền" là hình phạt chính (theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự) mà không cần thiết phải áp dụng các hình phạt khác quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo L, V, T sung quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 màu vàng trắng, đã qua sử dụng, có số IMEI: 352067069782020, bên trong lắp sim số 0334.406.446; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE4 màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI:013034005161322, bên trong lắp sim số 0967.389.707; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đã qua sử dụng, có số IMEI: 352013076713186, bên trong lắp sim số 0969.060.552; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 màu trắng xám, đã qua sử dụng, có số IMEI: 013722000254585, bên trong có lắp sim số 0921.364.831 là công cụ, phương

tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu cho phát mại sung vào ngân sách nhà nước đối với điện thoại và tịch thu, tiêu hủy sim điện thoại.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân đã niêm phong trong một phong bì thư dán kín, 01 chiếu cói các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 12.985.000đồng do các bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 2.960.000đồng của bị cáo Đào Văn L bị thu giữ không có căn cứ xác định bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần giữ lại để bảo đảm thi hành án.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi của Nguyễn Nguyên Hanh và Trần Thanh T đánh bạc riêng với nhau với số tiền dưới 5 triệu đồng không đủ căn cứ chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan công an thành phố Hải Dương đã ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

Không có căn cứ để xác định về hành vi tổ chức đánh bạc, gá bạc của Đào Văn L nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Đinh Văn V.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về án treo, đối với bị cáo Đào Văn L.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Trần Thanh T.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Vũ Văn S.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn V, Đào Văn L, Trần Thanh T, Nguyễn Văn M và bị cáo Vũ Văn S phạm tội "*Đánh bạc*".

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn V **08** (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019).

- Xử phạt bị cáo Đào Văn L **10** (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **20** (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo L cho Uỷ ban nhân dân phường TM, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo L.

Trong trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T 15** (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ từ (ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (03x3) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành **14** (mười bốn) tháng **21** (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của

bị cáo để sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo T cho UBND phường TM, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn M **30.000.000** đồng (ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Vũ Văn S **25.000.000** đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung:

Phạt tiền bị cáo Đào Văn L 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Đinh Văn V 10.000.000đồng (mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Trần Thanh T 10.000.000đồng (mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho phát mại sung vào ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 màu vàng trắng, đã qua sử dụng, có số IMEI: 352067069782020, bên trong lắp sim số 0334.406.446.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE4 màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI:013034005161322, bên trong lắp sim số 0967.389.707.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đã qua sử dụng, có số IMEI: 352013076713186, bên trong lắp sim số 0969.060.552.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 màu trắng xám, đã qua sử dụng, có số IMEI: 013722000254585, bên trong có lắp sim số 0921.364.831.

- Tịch thu, tiêu hủy 04 sim điện thoại có số: 0334.406.446; 0967.389.707; 0969.060.552; 0921.364.831.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân đã niêm phong trong một phong bì thư dán kín, 01 chiếu cói các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội không có giá trị.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 12.985.000đồng do các bị cáo phạm tội mà có.

- Trả lại bị cáo Đào Văn L số tiền 2.960.000đồng bị thu giữ không sử dụng vào việc phạm tội nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án

(*Tình trạng vật chứng, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 09/4/2019).*

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Đào Văn L, Nguyễn Văn M, Đinh Văn V, Trần Thanh T,Vũ Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương;
- Cơ quan THA hình sự Công an TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an tỉnh Hải Dương;
- UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.